

Số: 2562 /SGD&ĐT-VP

V/v tham khảo cấu trúc viết Đề tài,
sáng kiến, giải pháp khoa học.

Hòa Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi:

- Các phòng chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ Sở GD&ĐT;
- Phòng Giáo dục các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc.

Để việc nghiên cứu Đề tài, sáng kiến, giải pháp khoa học đạt kết quả, Sở GD&ĐT đề nghị các tập thể, cá nhân tham khảo cấu trúc của một Đề tài, sáng kiến, giải pháp khoa học. Nội dung như sau:

A. Sáng kiến, giải pháp khoa học giáo dục.

Trình tự một sáng kiến, giải pháp khoa học giáo dục:

1. Phần thứ nhất: Đặt vấn đề.

Trình bày lý do đề xuất sáng kiến, cần nêu rõ một hiện tượng nào đó trong thực tiễn hoạt động giáo dục (GD). Ví dụ: Nội dung cũ, chưa cập nhật, phương pháp không phù hợp, hình thức tổ chức đơn điệu...)

Hiện tượng đó có ý nghĩa và tác dụng như thế nào trong công tác GD, có mâu thuẫn giữa thực trạng và yêu cầu mới như thế nào, đòi hỏi phải giải quyết.

2. Phần thứ hai: Nội dung.

a, Cơ sở khoa học (lý luận) để đề xuất ra sáng kiến, giải pháp khoa học .

Ví dụ: Thay đổi cấu trúc nội dung của một bài, một chương... thì cơ sở khoa học là dựa trên đặc điểm quá trình nhận thức của học sinh (HS), các nguyên tắc dạy học...

b, Nội dung cụ thể của sáng kiến, giải pháp khoa học:

Trình bày cụ thể nội dung viết về cái gì ? Nêu những việc đã làm, những suy nghĩ sâu sắc và các biện pháp cải tiến cụ thể.

c, Hiệu quả của sáng kiến, giải pháp khoa học:

Để đảm bảo tính khoa học, chứng minh cho những nhận định của mình, tác giả viết sáng kiến, giải pháp khoa học cần:

- Trình bày thí nghiệm, thực nghiệm đã tiến hành (nếu có).
- Cần nêu rõ trong thực tế đã áp dụng sáng kiến, giải pháp khoa học đó ở đâu (cho cá nhân, tập thể, địa phương...).
- Nêu rõ kết quả cụ thể khi áp dụng sáng kiến, giải pháp khoa học. Cần có sự so sánh, phân tích, đánh giá sáng kiến, giải pháp khoa học đó.

3. Phần thứ ba: Kết luận chung và đề xuất.

Cần nêu khái quát:

- Ý nghĩa của sáng kiến, giải pháp khoa học đó với công tác GD, dạy học DH).
- Những nhận định chung về áp dụng sáng kiến, giải pháp khoa học và khả năng vận dụng sáng kiến, giải pháp khoa học.
- Những ý kiến đề xuất để áp dụng sáng kiến, giải pháp khoa học (cho công tác quản lý, cho hoạt động GD, DH của giáo viên (GV), cho hoạt động học tập của HS, về xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị...).

B. Đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục (NCKHGD):

I. Xác định đề tài nghiên cứu (NC):

Trong NC khoa học giáo dục (KHGD), đề tài có thể bắt nguồn từ thực tiễn giáo dục, từ những vướng mắc, khó khăn trong GD và giảng dạy. Nảy sinh từ những mâu thuẫn giữa mục đích GD và phương tiện GD, giữa nội dung và phương pháp GD, giữa việc tổ chức GD từ phía thầy giáo với việc tiếp nhận có ý thức và tích cực của HS, từ sự mong muốn tìm hiểu các con đường nâng cao chất lượng GD và dạy học.

II. Đề cương một đề tài NCKHGD:

Đề cương có kết cấu logic như sau:

Phần thứ nhất MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài (hay tính cấp thiết của vấn đề NC).

Người NC cần trả lời: Tại sao chọn đề tài này? Câu hỏi này được trả lời trên cơ sở phát hiện các mâu thuẫn, các thiếu sót của lý thuyết hay thực tiễn trên cơ sở những yêu cầu bức thiết phải giải quyết. Như vậy, NC đề tài như là một yêu cầu cấp thiết của thực tế GD hiện tại.

Tính cấp thiết của đề tài cũng có thể lập luận bằng cách xác định tầm quan trọng các vấn đề tác giả vừa phát hiện. Giải quyết được các vấn đề này đem lại lợi ích thiết thực gì và ngược lại nếu vấn đề không được giải quyết sẽ dẫn tới khó khăn, bất cập gì?

2. Mục đích NC.

Mục đích NC là mục tiêu mà đề tài hướng tới. Mục đích của các đề tài NC KHGD thường đặt ra là nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình GD và đào tạo, chất lượng tổ chức và quản lý hệ thống GD.

3. Khách thể và đối tượng NC.

3.1. Khách thể NC.

Khách thể NC tồn tại độc lập với ý thức của chủ thể NC. Xác định khách thể là xác định một giới hạn bắt buộc để hướng đề tài tới mục tiêu, đó là đối tượng NC.

3.2. Đối tượng NC.

Đối tượng NC là đối tượng trực tiếp của nhận thức, là cái phải khám phá, phải tìm hiểu bản chất và quy luật vận động của nó.

Cùng một khách thể có thể có nhiều đối tượng NC.

VD: Đề tài NC “*Một số biện pháp hình thành kỹ năng làm việc với sách giáo khoa cho HS trường THCS Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình*”.

Khách thể NC: Quá trình học tập của HS trường THCS Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình.

Đối tượng NC: Một số biện pháp hình thành kỹ năng làm việc với sách giáo khoa cho HS trường THCS Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình.

4. Giả thuyết khoa học.

Giả thuyết khoa học là **giả định** về bản chất đối tượng NC và là luận điểm chỉ dẫn con đường đi để khám phá đối tượng.

Giả thuyết khoa học thường được kết nối bằng các từ: *Nếu...thì sẽ...*, hoặc *có thể...sẽ...*

Ví dụ: Với đề tài trên có thể nêu giả thuyết: “*Nếu áp dụng đồng bộ các biện pháp: Xây dựng kỹ năng tâm vận động trong quá trình học tập trên lớp; Rèn kỹ năng đọc, ghi chép ở trên lớp cho mỗi HS, sẽ góp phần hình thành kỹ năng làm việc với sách giáo khoa cho HS*”.

5. Phương pháp nghiên cứu.

5.1. Các phương pháp NC lí luận.

5.2. Các phương pháp NC thực tiễn:

Quan sát sư phạm, điều tra GD, NC sản phẩm hoạt động GD, tổng kết kinh nghiệm GD...đặc biệt là phương pháp thực nghiệm sư phạm.

6. Cơ sở, phạm vi, thời gian nghiên cứu.

Phần thứ hai

QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU.

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu.

1.1. Sơ lược lịch sử vấn đề nghiên cứu.

1.2. Cơ sở lí luận của vấn đề nghiên cứu.

- Giải thích các thuật ngữ khoa học liên quan đến đề tài, sử dụng trong đề tài.
- Phân tích rõ luận điểm NC của tác giả, các vấn đề lý luận làm cơ sở cho đề tài NC.

1.3. Cơ sở thực tiễn (thực trạng) của vấn đề nghiên cứu.

- Thực trạng kinh tế xã hội (nêu khái quát).
- Thực trạng của vấn đề NC (nêu rõ ràng, tỷ mỉ có các số liệu chứng minh).

Chương 2: Các biện pháp (hay giải pháp) thực hiện.

- Nêu và phân tích, chứng minh các biện pháp đã thực hiện.
- + Biện pháp 1: ...
- + Biện pháp 2: ...
- + Biện pháp 3: ...
- Dựa vào giả thuyết khoa học để phân tích nhận xét, rút ra các kết luận cho từng vấn đề (biện pháp) đã được nghiên cứu, đề xuất.

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm.

- Trình bày: Mục đích thực nghiệm, nội dung thực nghiệm, quá trình thực nghiệm, các kết quả, số liệu đã thu thập, đo đạc được. Sử dụng các bảng thống kê và các biểu đồ, đồ thị (nếu có) để so sánh kết quả sau thực nghiệm với trước thực nghiệm và với đối chứng. Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu.
- Nêu bật những phát hiện, những kết luận độc đáo mới mẻ đã thu thập được.

Phần thứ ba KẾT LUẬN CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ.

Là phần cô đọng nhất, thể hiện tập trung tất cả các kết quả nghiên cứu đã đạt được. Nêu lên những kết luận chính, cơ bản nhất, tổng hợp các kết quả nghiên cứu.

Nêu những kiến nghị đề xuất.

Phần phụ lục:

Các phụ lục (nếu có). Ví dụ: Các phiếu điều tra thăm dò, các giáo án minh họa, quy trình tổ chức hoạt động GD...

Tài liệu tham khảo:

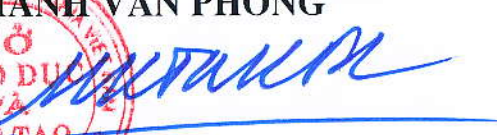
Xếp thứ tự: A, B, C... tên tác giả theo trình tự sau: Họ, tên tác giả; tên tài liệu; tập; tham khảo trang; Nhà xuất bản; năm xuất bản).

Sở GD&ĐT đề nghị các tập thể và cá nhân tham khảo cấu trúc trong khi xây dựng đề cương và viết Đề tài, SK, GPKH./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website ngành;
- Lưu VT, VP (NHM70).

TL.GIÁM ĐỐC
CHANH VĂN PHÒNG


Nguyễn Hồng Mạc